TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 298/2025/QĐST-HNGĐ	*Đà Nẵng, ngày 13 tháng 11 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐÀ NẴNG

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số: 252/2025/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2025 về việc "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con*" gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:

* Ông **Bùi Duy K**, sinh năm 1986.

Căn cước số: 034086012967 do Bộ Công an cấp ngày 18/9/2024.

Nơi cư trú: Số 15 đường Đ, Tổ 28 phường K, quận N, thành phố Đà Nẵng nay là Số 15 đường Đ, Tổ 103 phường N, thành phố Đà Nẵng.

* Bà **Dương Thị Huyền T**, sinh năm 1987.

Căn cước công dân số: 044187005063 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 22/4/2021.

Nơi cư trú: Số 15 đường Đ, Tổ 28 phường K, quận N, thành phố Đà Nẵng nay là Số 15 đường Đ, Tổ 103 phường N, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Bùi Duy K và bà Dương Thị Huyền T được Toà án nhân dân quận N, thành phố Đà Nẵng giải quyết cho ly hôn theo Quyết định số 40/2015/QĐST- HNGĐ ngày 10/4/2015. Sau đó vào năm 2017 ông và bà Dương Thị Huyền T quay lại chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường K, quận N, thành phố Đà Nẵng nay là phường N, thành phố Đà Nẵng.. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do quan điểm sống, tính tình không hợp nên thường phát sinh cãi vã, nói năng không tôn trọng nhau, vợ chồng không cùng tiếng nói chung, sống không hạnh phúc. Do mâu thuẫn xảy ra nên vợ chồng sống ly thân từ

năm 2021 đến nay, không ai có trách nhiệm với nhau. Nay ông Bùi Duy K và bà Dương Thị Huyền T xác định về tình cảm không còn thương yêu nhau nên yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận sự thuận tình ly hôn.

[2] Về nuôi con chung: Ông Bùi Duy K và bà Dương Thị Huyền T xác định có 02 con chung là Bùi Chấn L, sinh ngày: 25/4/2013 và Bùi Trúc L, sinh ngày: 21/01/2017. Ly hôn ông Bùi Duy K và bà Dương Thị Huyền T thống nhất thỏa thuận giao cả hai con chung cho bà Dương Thị Huyền T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Bùi Duy K cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 6.000.000đồng (Sáu triệu đồng). Thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con vào ngày 10 hàng tháng, bắt đầu từ tháng 12/2025 cho đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung: Ông Bùi Duy K và bà Dương Thị Huyền T xác định vợ chồng không có tài sản chung.

[4] Về các vấn đề khác: Ông Bùi Duy K và bà Dương Thị Huyền T xác định không có nợ chung.

Lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000đồng ông Bùi Duy K và bà Dương Thị Huyền T mỗi người phải chịu 150.000đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đồng đã nộp tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng, theo biên lai thu số 00003737 ngày 15/10/2025.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Bùi Duy K và bà Dương Thị Huyền T (Giấy chứng nhận kết hôn số 02, ngày 06/01/2017, tại Ủy ban nhân dân phường K, quận N, thành phố Đà Nẵng nay là phường N, thành phố Đà Nẵng không còn giá trị pháp lý).

- Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa ông Bùi Duy K và bà Dương Thị Huyền T việc nuôi con chung như sau:

Giao cả hai con chung là Bùi Chấn L, sinh ngày: 25/4/2013 và Bùi Trúc L, sinh ngày: 21/01/2017 cho bà Dương Thị Huyền T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi. Ông Bùi Duy K cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 6.000.000đồng (Sáu triệu đồng). Thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con vào ngày 10 hàng tháng, bắt đầu từ tháng 12/2025 cho đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi.

Cả hai bên đương sự đều được thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích con chung các bên

đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Về tài sản chung: Ông Bùi Duy K và bà Dương Thị Huyền T xác định vợ chồng không có tài sản chung.

- Về các vấn đề khác: Ông Bùi Duy K và bà Dương Thị Huyền T xác định không có nợ chung.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đồng ông Bùi Duy K và bà Dương Thị Huyền T mỗi người phải chịu 150.000đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đồng đã nộp tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng, theo biên lai thu số 00003737 ngày 15/10/2025.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 2 - Đà Nẵng;
- Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng;
- UBND phường N, thành phố Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Tô Thị Thy Tuyết